

Số: 1013 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**  
**đợt 18 năm 2026**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;*

*Căn cứ Biên bản họp xét của Tổ Thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 18 năm 2026 cho 21 cá nhân (*Danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB (để báo cáo);
- BGD Sở Y tế (để báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

(Bs.Lam/12.10.26)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lưu Văn Dũng**

**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH  
ĐỢT 18 NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số       /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2026 của Sở Y tế)*

| STT | Họ tên              | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------|--------------|-----------|----------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG | 20/01/1986 | 086186009821 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Y khoa            | 002977/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 2   | LÊ XUÂN DƯƠNG       | 15/12/2001 | 075201018890 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Y khoa            | 002978/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 3   | NGUYỄN THỊ HỒNG THU | 10/06/1987 | 075187005628 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Y học cổ truyền   | 002979/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 4   | NGUYỄN THỊ LÝ       | 04/07/1994 | 038194044910 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Đa khoa           | 002980/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 5   | TRẦN MINH THÀNH     | 09/06/1988 | 094088001321 | Việt Nam  | Y sỹ                 | Đa khoa           | 002981/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 6   | NGUYỄN KIM PHỤNG    | 17/10/2004 | 075304020456 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002982/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 7   | BÙI PHẠM CHÂU ANH   | 12/07/2002 | 075302015663 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002983/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 8   | TRẦN THỊ MINH HOÀI  | 10/07/1999 | 075199004138 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002984/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |

| STT | Họ tên               | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề  | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------|--------------|-----------|----------------------|--------------------|------------------|---------|
| 9   | TRẦN SINH KHÁNH LINH | 28/02/2001 | 075301006044 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002985/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 10  | HÀ THỊ HƯƠNG         | 18/08/1990 | 038190024816 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002986/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 11  | PHẠM HÙNG MẠNH       | 27/10/1999 | 040099004144 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Phục hồi chức năng | 002987/ĐNAI-GPHN | Cấp mới |
| 12  | NGUYỄN THÁI BÌNH     | 10/02/1991 | 075091020806 | Việt Nam  | Bác sỹ               | Răng hàm mặt       | 002988/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 13  | DƯƠNG THỊ TĨNH       | 10/01/1993 | 038193021507 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002989/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 14  | NGUYỄN THỊ HẢI       | 20/11/1973 | 038173019318 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002990/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 15  | LÂM CHINH KÍNH       | 10/11/1995 | 075195022668 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002991/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 16  | HOÀNG VĂN LONG       | 10/09/1993 | 040093012337 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002992/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 17  | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN   | 02/10/1990 | 040190027515 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng         | 002993/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |

| STT | Họ tên             | Ngày sinh  | Số CCCD      | Quốc tịch | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số GPHN          | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------|--------------|-----------|----------------------|-------------------|------------------|---------|
| 18  | NGUYỄN THỊ VÂN     | 25/07/1991 | 038191022730 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002994/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 19  | CAO THỊ LAN        | 04/05/1990 | 040190010277 | Việt Nam  | Điều dưỡng           | Điều dưỡng        | 002995/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 20  | TRẦN THỊ NGỌC PHÚC | 05/06/1991 | 070191002397 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Xét nghiệm y học  | 002996/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |
| 21  | HỒ THỊ CHUNG       | 10/09/1992 | 040192028675 | Việt Nam  | Kỹ thuật y           | Xét nghiệm y học  | 002997/ĐNAI-GPHN | Cấp lại |